

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN
NĂM HỌC: 2024 - 2025

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học tập								Rèn luyện								Khen thưởng cuối năm			
				Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Học sinh Xuất sắc		Học sinh Giỏi	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường			256	49	19.14	103	40.23	104	40.63	0	0	230	89.84	25	9.77	1	0.39	0	0	4	1.56	45	17.58
1	Khối 6		67	13	19.4	34	50.75	20	29.85	0	0	65	97.01	2	2.99	0	0	0	0	2	2.99	11	16.42
1.1	6A	Nguyễn Thị Nhung	34	8	23.53	18	52.94	8	23.53	0	0	32	94.12	2	5.88	0	0	0	0	2	5.88	6	17.65
1.2	6B	Nguyễn Thị Mùi	33	5	15.15	16	48.48	12	36.36	0	0	33	100	0	0	0	0	0	0	0	0	5	15.15
2	Khối 7		77	16	20.78	29	37.66	32	41.56	0	0	69	89.61	8	10.39	0	0	0	0	2	2.6	14	18.18
2.1	7A	Vũ Thị Yên	40	8	20	14	35	18	45	0	0	36	90	4	10	0	0	0	0	2	5	6	15
2.2	7B	Nguyễn Thị Phụng	37	8	21.62	15	40.54	14	37.84	0	0	33	89.19	4	10.81	0	0	0	0	0	0	8	21.62
3	Khối 8		62	11	17.74	19	30.65	32	51.61	0	0	50	80.65	11	17.74	1	1.61	0	0	0	0	11	17.74
3.1	8A	Nguyễn Thị Hằng Mơ	31	8	25.81	6	19.35	17	54.84	0	0	26	83.87	4	12.9	1	3.23	0	0	0	0	8	25.81
3.2	8B	Đỗ Thị Thúy Hằng	31	3	9.68	13	41.94	15	48.39	0	0	24	77.42	7	22.58	0	0	0	0	0	0	3	9.68
4	Khối 9		50	9	18	21	42	20	40	0	0	46	92	4	8	0	0	0	0	0	0	9	18
4.1	9A	Đinh Thị Nga	24	6	25	7	29.17	11	45.83	0	0	22	91.67	2	8.33	0	0	0	0	0	0	6	25
4.2	9B	Bùi Thị Hằng	26	3	11.54	14	53.85	9	34.62	0	0	24	92.31	2	7.69	0	0	0	0	0	0	3	11.54

(*): Tổng số học sinh không bao gồm các học sinh miễn giảm toàn phần

Thành phố Đông Triều, ngày 22 tháng 5 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Thu Thủy

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN HỌC SINH NỮ
NĂM HỌC: 2024 - 2025

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học tập								Rèn luyện								Khen thưởng cuối năm			
				Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Học sinh Xuất sắc		Học sinh Giỏi	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường			130	34	26.15	68	52.31	28	21.54	0	0	127	97.69	3	2.31	0	0	0	0	3	2.31	31	23.85
1	Khối 6		43	10	23.26	23	53.49	10	23.26	0	0	43	100	0	0	0	0	0	0	2	4.65	8	18.6
1.1	6A	Nguyễn Thị Nhung	22	5	22.73	13	59.09	4	18.18	0	0	22	100	0	0	0	0	0	0	2	9.09	3	13.64
1.2	6B	Nguyễn Thị Mùi	21	5	23.81	10	47.62	6	28.57	0	0	21	100	0	0	0	0	0	0	0	0	5	23.81
2	Khối 7		35	11	31.43	18	51.43	6	17.14	0	0	35	100	0	0	0	0	0	0	1	2.86	10	28.57
2.1	7A	Vũ Thị Yên	18	5	27.78	9	50	4	22.22	0	0	18	100	0	0	0	0	0	0	1	5.56	4	22.22
2.2	7B	Nguyễn Thị Phụng	17	6	35.29	9	52.94	2	11.76	0	0	17	100	0	0	0	0	0	0	0	0	6	35.29
3	Khối 8		28	5	17.86	13	46.43	10	35.71	0	0	25	89.29	3	10.71	0	0	0	0	0	0	5	17.86
3.1	8A	Nguyễn Thị Hằng Mơ	15	5	33.33	4	26.67	6	40	0	0	15	100	0	0	0	0	0	0	0	0	5	33.33
3.2	8B	Đỗ Thị Thúy Hằng	13	0	0	9	69.23	4	30.77	0	0	10	76.92	3	23.08	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Khối 9		24	8	33.33	14	58.33	2	8.33	0	0	24	100	0	0	0	0	0	0	0	0	8	33.33
4.1	9A	Đinh Thị Nga	11	5	45.45	5	45.45	1	9.09	0	0	11	100	0	0	0	0	0	0	0	0	5	45.45
4.2	9B	Bùi Thị Hằng	13	3	23.08	9	69.23	1	7.69	0	0	13	100	0	0	0	0	0	0	0	0	3	23.08

(*): Tổng số học sinh không bao gồm các học sinh miễn giảm toàn phần

Thành phố Đông Triều, ngày 22 tháng 5 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Thu Thủy

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN HỌC SINH DÂN TỘC
NĂM HỌC: 2024 - 2025

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học tập								Rèn luyện								Khen thưởng cuối năm				
				Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Học sinh Xuất sắc		Học sinh Giỏi		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Toàn trường			2	1	50	0	0	1	50	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	50
1	Khối 6		1	1	100	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	100	
1.1	6A	Nguyễn Thị Nhung	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.2	6B	Nguyễn Thị Mùi	1	1	100	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	100	
2	Khối 7		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.1	7A	Vũ Thị Yến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.2	7B	Nguyễn Thị Phụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Khối 8		1	0	0	0	0	1	100	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.1	8A	Nguyễn Thị Hằng Mơ	1	0	0	0	0	1	100	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.2	8B	Đỗ Thị Thúy Hằng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Khối 9		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.1	9A	Đinh Thị Nga	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.2	9B	Bùi Thị Hằng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

(*): Tổng số học sinh không bao gồm các học sinh miễn giảm toàn phần

Thành phố Đông Triều, ngày 22 tháng 5 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Thu Thủy

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN HỌC SINH NỮ DÂN TỘC
NĂM HỌC: 2024 - 2025

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học tập								Rèn luyện								Khen thưởng cuối năm					
				Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Học sinh Xuất sắc		Học sinh Giỏi			
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Toàn trường			2	1	50	0	0	1	50	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	50
1	Khối 6		1	1	100	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	100	
1.1	6A	Nguyễn Thị Nhung	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.2	6B	Nguyễn Thị Mùi	1	1	100	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	100	
2	Khối 7		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.1	7A	Vũ Thị Yến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.2	7B	Nguyễn Thị Phụng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Khối 8		1	0	0	0	0	1	100	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.1	8A	Nguyễn Thị Hằng Mơ	1	0	0	0	0	1	100	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.2	8B	Đỗ Thị Thúy Hằng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Khối 9		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.1	9A	Đinh Thị Nga	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.2	9B	Bùi Thị Hằng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

(*): Tổng số học sinh không bao gồm các học sinh miễn giảm toàn phần

Thành phố Đông Triều, ngày 22 tháng 5 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Thu Thủy